

Tp. Quy Nhơn, ngày 10 tháng 5 năm 2019.

BÁO CÁO

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH NĂM 2018 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 – KẾ HOẠCH NĂM 2019 - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019 -

Kính thưa quý cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Petec Bình Định xin trân trọng báo cáo với Đại hội về công tác quản trị, điều hành năm 2018 như sau:

I. Đánh giá tình hình công tác quản trị điều hành năm 2018:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Thuận lợi:

Năm 2018 nền kinh tế cả nước tiếp tục phát triển ổn định, nhu cầu thị trường có mức tăng trưởng khá.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Thời tiết tại khu vực miền Trung tương đối ôn hòa, thuận lợi cho hoạt động mua bán hơn so với nhiều năm gần đây.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

1.2. Khó khăn:

Cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt từ các sản phẩm mới, giá rẻ (ở mảng xi-măng), các đối thủ cạnh tranh mới; các khó khăn trong vận chuyển, giao nhận; xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu và xi-măng; giá xăng dầu diễn biến khó lường.

Chi phí đầu vào của kinh doanh xi-măng (vận chuyển, bốc dỡ, cầu cảng,...) tiếp tục tăng so với năm trước.

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Bộ máy tổ chức:

Bộ máy tổ chức của Công ty đến cuối năm 2018 gồm: Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc (Ban TGD), 3 phòng chức năng, 3 đơn vị kinh doanh.

2.2. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để xem xét đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018; thông qua các chủ trương, định hướng nhằm đảm bảo hoạt động đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 của Công ty, định hướng hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh từng quý trong năm. Nghị quyết

của HĐQT sau các cuộc họp đều đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giao cho các tập thể, cá nhân tổ chức thực hiện đúng thời hạn, có đánh giá kết quả thực hiện.

Nghiêm túc thực hiện, chấp hành đầy đủ các quy định, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

2.3. Hoạt động của Ban điều hành:

a. Nhân sự Ban điều hành:

Nhân sự Ban điều hành Công ty ổn định. Ban TGD gồm 3 người gồm Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc.

Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động Công ty một cách cẩn trọng, tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

b. Về giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc đã nỗ lực cao trong công tác điều hành bộ máy, vượt qua các khó khăn phức tạp của tình hình, tích cực triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của HĐQT.

2.4. Về công tác kiểm tra, kiểm soát:

Trong năm 2018 công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh được các cấp quản lý Nhà nước cũng như Công ty chú trọng triển khai thường xuyên như: kiểm tra công tác PCCC, kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động và môi trường, v.v...

Ban kiểm soát luôn bám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ. Các hoạt động của Ban kiểm soát và công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty được chú trọng đã góp phần kịp thời chấn chỉnh hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty, góp phần tăng cường quản lý điều hành kinh doanh của Công ty.

Kết quả kiểm tra, kiểm soát trong năm cho thấy các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước cũng như của Công ty.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018:

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

	Thực hiện Năm 2018	So với Kế hoạch
Doanh thu	714 tỷ 881 triệu đồng	101%
Lợi nhuận sau thuế	3 tỷ 889 triệu đồng	113%
Cổ tức	8%	100%

(Kèm theo Bảng chi tiết kết quả kinh doanh - Biểu số 1)

3.2. Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Hoạt động kinh doanh toàn công ty năm 2018 gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu từ sức ép cạnh tranh trên thị trường và chi phí đầu vào luôn ở mức cao. Ngành hàng xi-măng có những thay đổi căn bản trên thị trường về phương thức cung ứng đến khách hàng (như xi-măng xá dần thay xi-măng bao), việc vận chuyển bằng đường bộ, nhiều loại xi-măng giá rẻ tiếp tục thâm nhập vào thị trường, ... vì vậy hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, sức

cạnh tranh giảm dần qua từng năm, lợi nhuận trên đầu tấn suy giảm đáng kể. Tuy nhiên thời tiết năm 2018 tại khu vực miền Trung tương đối ôn hòa, thuận lợi cho hoạt động mua bán. Bên cạnh đó, tuy diễn biến giá xăng dầu phức tạp, nhưng do Công ty chủ động được nguồn hàng, theo sát diễn biến thị trường, vì vậy ngành hàng xăng dầu năm 2018 đã đạt kết quả kinh doanh khá tốt, lợi nhuận trên đầu lít đạt cao so với nhiều năm gần đây.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty đã hoàn thành kế hoạch về doanh thu, sản lượng bán ra ở ngành hàng chính là xăng dầu đạt và vượt so với kế hoạch, kinh doanh xi-măng tuy có nhiều khó khăn nhưng sản lượng bán ra đạt xấp xỉ năm 2017, lợi nhuận đạt so với kế hoạch, tỷ suất chia lợi tức dự kiến đạt 8%/năm.

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty không phát sinh thêm nợ xấu, thương hiệu của Công ty tiếp tục được giữ vững trên thị trường. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận, về mức chi trả cổ tức 8% thể hiện rõ nỗ lực, cố gắng lớn từ Ban lãnh đạo đến tập thể CBNV Công ty.

Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu:

Trong năm qua, giá dầu Thế Giới tiếp tục biến động liên tục. Do nắm bắt tốt diễn biến giá cả, chủ động được nguồn hàng, đi đôi với khai thác hiệu quả kho dầu An Phú, vì vậy khâu bán buôn của Công ty vẫn đảm bảo được hai mục tiêu: vừa đảm bảo hàng đáp ứng cho thị trường vừa có được hiệu quả kinh doanh. Hoạt động khu vực bán lẻ tiếp tục ổn định, tuy nhiên mức độ phát triển về sản lượng hàng bán chưa đạt theo kỳ vọng. Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh số bán ra đạt 437,4 tỷ đồng, sản lượng bán ra năm 2018 đạt 27,6 triệu lít, vượt 13% so với kế hoạch.

Đối với ngành hàng kinh doanh xi măng:

Năm 2018 ngành hàng xi-măng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng trong khi giá bán giảm do cạnh tranh gay gắt. Xi-măng Nghi Sơn tiếp tục chịu sự cạnh tranh quyết liệt, trong năm phải liên tục bán ra ở giá thấp để giữ thị phần; Xi-măng Phúc Sơn khó khăn trong việc giữ thị trường trước áp lực từ các mặt hàng giá rẻ; Chi phí vận chuyển và dịch vụ cầu cảng tăng cao; Chịu tác động lớn từ mặt hàng xi-măng xá, v.v... Chính vì vậy lợi nhuận của nhóm hàng năm 2018 không đạt mục tiêu đề ra.

Trong bối cảnh đó, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược bán hàng nhằm nâng cao sức cạnh tranh, cố gắng ổn định sức bán ra ở nhóm hàng có chất lượng cao, đã có thương hiệu trên thị trường; đồng thời phát triển chọn lọc một mặt hàng xi-măng giá rẻ. Các sản phẩm chất lượng mà Công ty phân phối tiếp tục là xi-măng Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long. Tổng sản lượng bán ra năm 2018 là 204,8 ngàn tấn (đạt 78,8% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2017).

Đối với các dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Mảng kinh doanh các tài sản khai thác cho thuê tài sản trên đất (cửa hàng, nhà xưởng, ...), hợp tác kinh doanh, nhìn chung bị tác động lớn bởi giá thuê của Nhà nước tăng cao, tuy nhiên với sự cố gắng, mảng kinh doanh vẫn hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra.

3. Về công tác tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định có đến 31/12/2018 là 20.813.613.506 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2018, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2018 là: 63.558.240.966 đồng, giảm 12% so với năm trước (trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên: 3.763.451.572 đồng, giảm đáng kể so với năm trước).

Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty được lập từ năm 2013, qua các năm đều được hoàn thiện nhằm tăng tính hiệu quả trong quản lý nợ, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả: 45.361.140.405 đồng, trong đó nợ phải trả người bán đến 31/12/2018: 2.807.699.327 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ.

Trong năm qua, Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gán trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn..

Trong năm qua, Công ty đã triển khai thực hiện thường xuyên các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ công nợ, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

4. Về tổ chức, lao động:

- Bộ máy quản lý được kiện toàn, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, tiết kiệm được chi phí trong kinh doanh;
- Trong bối cảnh tình hình kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, song đời sống, công ăn việc làm, thu nhập của người lao động được ổn định, thu nhập bình

quân đạt khoảng 6 triệu đồng/người/tháng. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty.

Tóm lại, có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững được thị trường, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Sau 11 năm liên tiếp thuộc Top 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam, Công ty Cổ phần Petec Bình Định tiếp tục được Vietnam Report xếp hạng vào Top 500 DN Việt Nam thịnh vượng năm 2019. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, năng động của toàn thể CBCNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019:

1. Dự báo tình hình:

Dự báo tình hình kinh tế Việt Nam năm 2019 nói chung và nhu cầu xã hội tại Bình Định cũng như các tỉnh miền Trung Tây Nguyên nói riêng sẽ tiếp tục có sự phát triển ổn định. Tuy nhiên, sức ép cạnh tranh và việc chi phí đầu vào (như chi phí bốc dỡ hàng, chi phí vận chuyển, chi phí làm hàng tại cảng...) luôn ở mức cao tiếp tục gây nhiều trở ngại trong thời gian đến. Bên cạnh đó một số hạng mục đầu tư phải thực hiện trong năm 2019 như việc đầu tư tàu dầu, cải tạo nâng cấp các mặt bằng cơ sở kinh doanh,... sẽ là nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi phải phục vụ tốt cho các hoạt động kinh doanh, đạt hiệu quả đầu tư. Và trên cơ sở khả năng thực tế của từng ngành hàng kinh doanh, Công ty dự kiến trình kế hoạch kinh doanh năm 2019 theo hướng đảm bảo mức lợi tức cổ phần năm 2019 đạt 8%, bằng với năm 2018, nhằm phù hợp với bối cảnh Công ty gặp nhiều khó khăn, thách thức như hiện nay.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

2.1. Một số phương hướng hoạt động:

- Giữ vững thị phần kinh doanh xăng dầu, xi măng, phấn đấu phát triển theo hướng chọn lọc khách hàng ở từng thị trường cụ thể; Sử dụng có hiệu quả các tài sản, cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh.
- Tập trung các giải pháp phát triển thị trường, trong đó, đối với xi-măng: xây dựng chính sách giá bán phù hợp với từng thị trường hoạt động; Phối kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả với các Nhà cung cấp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường; Đối với xăng dầu, đi đôi với tiếp tục phát triển ổn định các cửa hàng

bán lẻ, thực hiện các giải pháp để gia tăng năng lực, tính ổn định khu vực bán buôn, qua đó nâng cao tính bền vững, có được hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản trị, chú trọng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, không để nợ xấu phát sinh, quyết liệt thu hồi các khoản nợ đọng.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng nhân sự trẻ có năng lực tại các đơn vị kinh doanh chủ chốt; nâng cao trách nhiệm quản lý, năng suất lao động; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động.

2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Trên cơ sở tình hình thực tế, Công ty tiến hành lập kế hoạch năm 2019, như sau:

- Doanh số bán ra : 735,6 tỷ đồng (trương đương mức thực hiện năm 2018)
- Lợi nhuận sau thuế: 3,58 tỷ đồng
- Mức chia cổ tức : 8% / năm

Trong đó, các ngành hàng chính:

- Xi măng: Kế hoạch bán ra là 250 ngàn tấn, tăng 22% so với thực hiện năm 2018;
- Xăng dầu: Kế hoạch bán ra là 26,5 triệu lít, đạt 96% so với thực hiện năm 2018.

(Kèm theo Bảng chi tiết kế hoạch kinh doanh 2018 - Biểu số 2)

3. Các giải pháp thực hiện:

Để hoàn thành kế hoạch đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

a. Giải pháp kinh doanh:

- Về kinh doanh xi-măng: Nhiệm vụ chủ yếu của năm 2019 vẫn tiếp tục là giữ vững thị trường mặt hàng Phúc Sơn, tận dụng các điều kiện thuận lợi về chi phí và nguồn cung ứng khi Trạm trung chuyển xi-măng Phúc Sơn đi vào hoạt động tại Cảng Quy Nhơn; Đi đôi với việc mở rộng thị trường xi măng Hoàng Long, đồng thời xem xét mở rộng thêm một số mặt hàng xi măng giá rẻ khác; Giữ thị trường mặt hàng xi-măng Nghi Sơn, cố gắng đạt lợi nhuận tốt hơn ở mặt hàng này trong thời gian đến. Xây dựng chính sách giá bán phù hợp với từng thị trường hoạt động. Về nguồn hàng, Công ty xây dựng kế hoạch cho từng thời vụ, có giải pháp để tăng tính chủ động trong khâu vận chuyển, bốc dỡ, không để xảy ra tình trạng đứt hàng trong năm 2019.
- Về kinh doanh xăng dầu:
(+) Mục tiêu và giải pháp kinh doanh đối với xăng dầu:
Giữ vững thị trường, khách hàng đặc biệt đối với các bạn hàng lớn; làm tốt công tác dự báo, chủ động nguồn hàng; khai thác có hiệu quả kho xăng dầu An Phú; nâng cao uy tín, sức cạnh tranh đối với khách hàng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh

khâu bán buôn, Đối với khâu bán lẻ, cần phải liên tục rà soát, nâng cao chất lượng bán hàng, phong cách phục vụ mới, nâng cao hiệu quả giao khoán.

(+) Việc đầu tư kho nổi chứa dầu Diesel:

Hiện xà lan của Công ty tại cảng Quy Nhơn - được sử dụng như là một kho nổi để chứa dầu Diesel, đến 31/12/2019 là hết niên hạn sử dụng. Xét tính cấp thiết phải có kho nổi thì mới đảm bảo ổn định khâu bán buôn, đáp ứng yêu cầu về kho để đủ điều kiện là Thương nhân phân phối xăng dầu, trên cơ sở Tờ trình của Tổng giám đốc, qua xem xét Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định phương án đầu tư, cụ thể như sau:

- + Hình thức đầu tư, tình hình đầu tư: Mua tàu chứa dầu Diesel, hoán cải để thành kho nổi chứa dầu Diesel, công suất 900 - 1000 tấn; Hiện Công ty đã tìm được đối tác bán - có tàu dầu phù hợp với yêu cầu của Công ty.
- + Giá trị đầu tư ước tính: 5.950.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT);
- + Thời gian đầu tư: 3 - 4 tháng. Dự kiến dự án đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 2019.
- Về quản lý sử dụng và khai thác các tài sản, cơ sở vật chất: Công ty nghiên cứu giải pháp để sử dụng đất thuê phù hợp với quy định của Nhà nước và có hiệu quả. Đối với dự án Khách sạn 3 sao tại mặt bằng 40 Tầng Bạt Hồ, thành phố Quy Nhơn đã trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018, xuất phát từ việc Ủy ban nhân dân tỉnh tính tiền nộp tiền thuê đất 1 lần quá cao, dự án không hiệu quả, vì vậy không thực hiện được. Với mục tiêu khai thác mặt bằng, tạo hiệu quả kinh doanh, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố, Công ty xây dựng phương án nâng cấp mặt bằng này để làm "Trung tâm dịch vụ du lịch".

b. Giải pháp về tài chính:

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;
- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu,... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo;
- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất;
- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương

án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và sử dụng vốn vào các dự án có khả năng sinh lời cao hơn.

c. Giải pháp về tổ chức, lao động:

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự nhằm bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển hiệu quả.
- Thường xuyên quan tâm xem xét điều chỉnh, bổ sung cơ chế điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh bảo đảm trách nhiệm, kỷ cương, linh hoạt, phù hợp thực tế và có hiệu quả. Luôn nêu cao ý thức, trách nhiệm, gương mẫu trong công tác; động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực, sáng tạo, đoàn kết phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2018 đầy khó khăn, kết quả là lợi nhuận và cổ tức đạt mục tiêu đã đề ra. Đó là nhờ sự chỉ đạo, lãnh đạo sâu sát của HĐQT, Ban TGD cùng những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ tích cực của toàn thể cổ đông Công ty.

Năm 2019 và giai đoạn sắp đến nói chung sẽ tiếp tục có nhiều thử thách cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với sự ủng hộ của toàn thể cổ đông, với nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV, tin chắc Công ty sẽ vượt qua thử thách, hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, cũng như định hướng phát triển mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, tiếp tục phát triển bền vững thời gian đến.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



HUỲNH ĐỨC TRƯỜNG

Biểu số 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2018		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2017
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	676.176	99%	104%
DOANH THU	Tr.đồng	714.881	101%	104%
D.THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	711.172	101%	104%
Xi-măng	Tr.đồng	254.821	80%	89%
- Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long	tấn	204.784	79%	90%
Xăng dầu	Tr.đồng	437.389	113%	143%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	298.329	117%	153%
+ Lượng bán ra	1000 lít	19.642	108%	125%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	139.060	107%	126%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7.985	102%	107%
Hàng Thuốc lá	Tr.đồng	18.961	-	21%
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	3.709	137%	109%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	714.881	101%	104%
Giá vốn hàng bán	-	676.176	99%	104%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0%	0%
Lợi nhuận gộp	-	38.705	116%	106%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	3.406	-	
Chi phí lãi vay	-	4.140	114%	151%
Chi phí bán hàng	-	35.547	187%	108%
Trích lập dự phòng	-	-		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	6.823	105%	82%
Thu nhập khác		9.289		
Lợi nhuận trước thuế	-	4.889	114%	87%
Thuế phải nộp	-	1.001	117%	87%
Lợi nhuận sau thuế	-	3.889	113%	86%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	8,00	100%	100%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	9,63	113%	86%

Biểu số 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2019	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2018
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	709.765	105%
DOANH THU	Tr.đồng	735.594	103%
D.THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	732.784	103%
Xi-măng	Tr.đồng	306.591	120%
- Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long	tấn	250.000	122%
Xăng dầu	Tr.đồng	426.193	97%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	279.075	94%
+ Lượng bán ra	1000 lít	18.100	92%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	147.119	106%
+ Lượng bán ra	1000 lít	8.400	105%
Hàng Thuốc lá	Tr.đồng	-	0%
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	2.810	76%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	735.594	103%
Giá vốn hàng bán	-	709.765	105%
Chiết khấu hàng mua	-	7.985	0%
Lợi nhuận gộp	-	33.814	87%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	0%
Chi phí lãi vay	-	3.051	74%
Chi phí bán hàng	-	19.784	56%
Trích lập dự phòng	-	-	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	6.500	95%
Thu nhập khác			
Lợi nhuận trước thuế	-	4.478	92%
Thuế phải nộp	-	896	90%
Lợi nhuận sau thuế	-	3.583	92%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	8,00	100%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	8,87	92%

Biểu số 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty “petecbidico.com.vn”, mục Quan hệ cổ đông / Báo cáo Tài chính.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.919.386.708	89.852.346.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.061.615.777	5.704.662.500
1. Tiền	111	5	7.061.615.777	5.704.662.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.558.240.966	72.237.346.606
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	60.724.867.808	70.134.542.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.909.337.705	3.247.503.918
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	674.588.600	288.195.560
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.750.553.147)	(1.432.895.614)
IV. Hàng tồn kho	140		13.669.016.108	11.910.337.014
1. Hàng tồn kho	141	10	13.669.016.108	11.910.337.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.630.513.857	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	860.801.035	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		769.712.822	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.682.038.411	25.350.120.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.560.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	1.560.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		20.813.613.506	22.248.305.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	19.912.965.506	21.347.657.387
- Nguyên giá	222		46.599.558.957	46.599.558.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.686.593.451)	(25.251.901.570)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	821.688.880	1.344.356.641
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.657.375.644)	(4.134.707.883)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		486.736.025	1.757.457.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	486.736.025	1.757.457.980
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.601.425.119	115.202.466.128

Bảng cân đối kế toán*(Tiếp theo)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.361.140.405	49.711.956.898
I. Nợ ngắn hạn	310		44.229.339.669	48.555.956.162
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.807.699.327	1.058.944.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	95.249.680	48.336.253
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.248.167.899	2.537.505.049
4. Phải trả người lao động	314		610.665.970	1.413.356.164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		20.074.091	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	2.202.254.759	1.474.071.435
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	36.603.848.050	41.587.214.505
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		641.379.893	436.528.019
II. Nợ dài hạn	330		1.131.800.736	1.156.000.736
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	1.131.800.736	1.156.000.736
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.240.284.714	65.490.509.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	64.240.284.714	65.490.509.230
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.028.679.974	16.128.826.100
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	6.874.134.740	9.024.213.130
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	2.985.358.382	4.524.943.760
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	3.888.776.358	4.499.269.370
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.601.425.119	115.202.466.128

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	714.880.535.257	686.130.890.987
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		714.880.535.257	686.130.890.987
4. Giá vốn hàng bán	11	22	676.175.761.157	649.519.297.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		38.704.774.100	36.611.593.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.405.687.199	1.808.528.338
7. Chi phí tài chính	22	24	4.139.768.166	2.733.607.541
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	3.572.485.725	2.666.706.016
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	35.547.241.775	32.868.909.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	6.823.270.621	8.331.659.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.399.819.263)	(5.514.054.821)
11. Thu nhập khác	31	26	9.294.784.141	11.181.019.306
12. Chi phí khác	32	27	5.595.544	16.316.938
13. Lợi nhuận khác	40		9.289.188.597	11.164.702.368
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.889.369.334	5.650.647.547
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.000.592.976	1.151.378.177
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.888.776.358	4.499.269.370
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	963	842
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	963	842

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.889.369.334	5.650.647.547
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12	1.434.691.881	1.514.851.474
- Các khoản dự phòng	03	24, 25	840.325.294	874.833.939
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(6.253.550)	(12.725.787)
- Chi phí lãi vay	06	24	3.572.485.725	2.666.706.016
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		10.730.618.684	10.694.313.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.031.735.285	(6.832.079.659)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.758.679.094)	4.433.792.455
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		976.715.989	(7.151.051.086)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		409.920.920	563.816.237
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(3.572.485.725)	(2.666.706.016)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.651.378.177)	(1.983.077.228)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(895.002.000)	(1.463.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.271.445.882	(4.404.242.108)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(107.671.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	6.253.550	12.725.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.253.550	(94.945.213)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	684.873.074.720	595.301.107.355
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(689.856.441.175)	(591.247.129.265)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18, 20	(3.937.379.700)	(1.988.926.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.920.746.155)	3.065.051.715
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.356.953.277	(1.434.135.606)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.704.662.500	7.138.798.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.061.615.777	5.704.662.500